**CHỦ ĐỀ : SINH SẢN Ở THỰC VẬT**

**A.NỘI DUNG CHỦ ĐỀ**

1. Mô tả chủ đề:

Chủ đề này gồm 2 bài thuộc phần A : Sinh sản ở thực vật – chương IV: Sinh sản - Sinh học 11

- Bài 41: Sinh sản vô tính ở thực vật

- Bài 42: Sinh sản hữu tính ở thực vật

2. Mạch kiến thức của chủ đề

- Khái niệm chung về sinh sản vô tính ở thực vật

- Các hình thức sinh sản vô tính ở thực vật

- Vai trò của sinh sản vô tính

- Khái niệm sinh sản hữu tính ở thực vật

3. Thời lượng : 2 tiết

- Tiết 1: Sinh sản vô tính ở thực vật

- Tiết 2: Sinh sản hữu tính ở thực vật

**B. KIẾN THỨC CẦN ĐẠT**

**BÀI 41: SINH SẢN VÔ TÍNH Ở THỰC VẬT**

**I. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ SINH SẢN**: Là quá trình tạo ra những cá thể mới đảm bảo sự phát triển liên tục của loài

- Gồm 2 kiểu: Sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính

**II. SINH SẢN VÔ TÍNH Ở THỰC VẬT**

1. Sinh sản vô tính: Hình thức sinh sản không có sự hợp nhất của giao tử đực và giao tử cái, con cái giống nhau và giống cây mẹ.

2. Các hình thức sinh sản vô tính ở thực vật

a. Sinh sản bào tử

b. Sinh sản sinh dưỡng: Có 2 hình thức sinh sản sinh dưỡng

+ sinh sản sinh dưỡng nhân tạo = nhân giống vô tính

+ sinh sản sinh dưỡng tự nhiên: từ thân củ ( khoai tây, khoai lang… ), từ thân rễ ( cỏ tranh, tre…)

3. Phương pháp nhân giống vô tính

 a. Ghép chồi và ghép cành:

 b. Chiết cành và giâm cành:

 c. Nuôi cấy tế bào và mô thực vật:

4. Vai trò của sinh sản vô tính đối với đời sống thực vật và con người:

a. Đối với đời sống thực vật: Giúp cho sự tồn tại và phát triển của loài.

b. Đối với đời sống con người:

- Cho phép duy trì các tính trạng tốt có lợi cho con người.

- Nhân nhanh các giống cây trồng cần thiết trong thời gian ngắn.

- Tạo giống cây trồng sạch bệnh.

- Phục chế các giống cây trồng quý đang bị thoái hóa.

**BÀI 42: SINH SẢN HỮU TÍNH Ở THỰC VẬT**

**I. KHÁI NIỆM**

\* Khái niệm: Là kiểu sinh sản có sự hợp nhất của giao tử đực và giao tử cái tạo nên hợp tử phát triển thành cơ thể mới.

\* Đặc trưng:

 - Luôn có quá trình hình thành và hợp nhất giao tử đực với giao tử cái.

 - Có sự trao đổi chéo và tái tổ hợp của hai bộ gen.

 - Gắn liền với giảm phân tạo giao tử.

 - Ưu việt hơn so với sinh sản vô tính:

 + Tăng khả năng thích nghi của thế hệ sau đối với môi trường sống.

 + Cung cấp nguồn vật liệu phong phú cho chọn lọc tự nhiên và tiến hóa.

**II. SINH SẢN HỮU TÍNH Ở THỰC VẬT CÓ HOA**

1. Cấu tạo của hoa
2. Quá trình hình thành hạt phấn và túi phôi:
* Hình thành hạt phấn:

+ 1 tế bào sinh hạt phấn (2n) giảm phân tạo 4 tế bào đơn bội (n).

 + Mỗi tế bào đơn bội nguyên phân 1 lần nữa tạo ra hạt phấn có 2 nhân ( nhân sinh dưỡng và nhân sinh sản )

* Hình thành túi phôi:

+ 1 tế bào sinh nõan (2n) giảm phân tạo 4 tế bào đơn bội (n), 3 trong 4 bị thoái hóa

+ 1 tế bào nguyên phân 3 lần tạo túi phôi ( có noãn cầu đơn bội và nhân cực 2n )

1. Quá trình thụ phấn và thụ tinh:
* Thụ phấn: là hiện tượng hạt phấn tiếp xúc với đầu nhụy, gồm các hình thức: tự thụ phấn, giao phấn ( nhờ gió, nước, côn trùng.. ) hay nhân tạo.
* Thụ tinh là: Là sự hợp nhất của nhân giao tử đực với nhân của tế bào trứng trong túi phôi để hình thành hợp tử (2n) khởi đầu cho phôi của cá thể mới.

Thụ tinh thực vật có hoa là quá trình thụ tinh kép:

1. Quá trình hình thành hạt, quả:

 - HẠT do nõan đã được thụ tinh phát triển thành.

 - QUẢ là do bầu nhụy sinh trưởng dày lên chuyển hóa thành.

 - Quá trình chín của quả gồm những biến đổi về mặt sinh lý, sinh hóa làm cho quả chín có độ mềm, màu sắc, hương vị hấp dẫn thuận lợi cho sự phát tán của hạt.

**C. TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP TỔNG HỢP**

Câu 1: Đặc điểm nào dưới đây không có ở thú ăn thịt.

A. Dạ dày đơn.

B. Ruột ngắn.

C. Thức ăn qua ruột non trải qua tiêu hoá cơ học, hoá học và được hấp thụ.

D. Manh tràng phát triển.

Câu 2: Dạ dày ở những động vật ăn thực vật nào có 4 ngăn?

A. Ngựa, thỏ, chuột, trâu, bò. B. Ngựa, thỏ, chuột.

C. Ngựa, thỏ, chuột, cừu, dê. D. Trâu, bò cừu, dê.

Câu 3: Cây hấp thụ nitơ ở dạng

A. N2+ và NO3-.       B. N2+ và NH3+. C. NH4+ và NO3-.       D. NH4- và NO3+.

Câu 4: Sự biểu hiện triệu chứng thiếu nitơ của cây là

A. lá nhỏ, có màu lục đậm, màu của thân không bình thường, sinh trưởng rễ bị tiêu giảm.

B. sinh trưởng của các cơ quan bị giảm, xuất hiện màu vàng nhạt lá.

C. lá non có màu vàng, sinh trưởng rễ bị tiêu giảm.

D. lá màu vàng nhạt, mép lá màu đỏ và có nhiều chấm đỏ trên mặt lá.

Câu 5: Vai trò nào dưới đây không phải của quang hợp ?

A. Tích lũy năng lượng. B. Tạo chất hữu cơ.

C. Cân bằng nhiệt độ của môi trường. D. Điều hòa không khí.

Câu 6. Khi làm thí nghiệm trồng cây trong chậu đất nhưng thiếu một nguyên tố khoáng thì triệu chứng thiếu hụt khoáng thường xảy ra trước tiên ở nhưng lá già. Nguyên tố khoáng đó là

A. nitơ.        B. canxi. C. sắt.        D. lưu huỳnh.

Câu 7. Trật tự đúng về đường đi của máu trong hệ tuần hoàn kín là

A. Tim → Động mạch→ tĩnh mạch→ mao mạch→ tim

B. Tim → động mạch→ mao mạch→ tĩnh mạch→ tim

C. Tim → mao mạch→ động mạch→ tĩnh mạch→ tim

D. Tim → động mạch→ mao mạch→ động mạch→ tim

Câu 8: Trong hệ tuần hoàn hở, máu chảy trong động mạch dưới áp lực

A. Cao, Tốc độ máu chảy nhanh

B. Thấp, tốc độ máu chảy chậm

C. Thấp, tốc độ máu chảy nhanh

D. Cao, tốc độ máu chạy chậm

Câu 9. Nội dung nào dưới đây không đúng với chu trình Canvin?

A. cần ADP B. giải phóng ra CO2

C. xảy ra vào ban đêm D. tạo ra C6H12O6

Câu 10. Trong thiên nhiên cây tre có thể sinh sản bằng

A. rễ phụ       B. lóng

C. thân rễ       D. thân bò

Câu 11 Căn cứ vào bề mặt trao đổi khí, ở động vật có bao nhiêu hình thức hô hấp?

A. 4 B. 5 C. 3 D. 2

Câu 12: Ở ngô, quá trình thoát hơi nước chủ yếu diễn ra ở cơ quan nào sau đây?

A. Lá. B. Rễ. C. Thân. D. Hoa.

Câu 13: Ở người trưởng thành, mỗi chu kì tim kéo dài khoảng

A. 0,8 giây. B. 0,6 giây. C. 0,7 giây. D. 0,9 giây.

Câu 14 : Nguyên liệu được sử dụng trong pha tối của quá trình quang hợp là:

A. O2, ATP, NADPH. B. H2O, ATP, NADPH.

C. NADPH, H2O, CO2. D. ATP, NADPH, CO2.

Câu 15: Hạt của cây hạt kín có nguồn gốc từ

A. Bầu nhụy. B. Đầu nhụy. C. Noãn D. Noãn cầu